

# VỀ NỘI DUNG CÁC MỆNH ĐỀ: “VIÊN CHỨC NHÀ NƯỚC<sup>1</sup> CHỈ ĐƯỢC LÀM NHỮNG GÌ PHÁP LUẬT CHO PHÉP” VÀ “CÔNG DÂN ĐƯỢC LÀM TẤT CẢ NHỮNG GÌ PHÁP LUẬT KHÔNG CẤM”

Vũ Thư \*

1. Những năm gần đây, trong sách báo, diễn đàn chính trị - pháp lý, hai mệnh đề: “Viên chức nhà nước chỉ được làm những gì pháp luật cho phép” và “Công dân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm” được nhắc đến không ít lần. Nhiều khi, kèm theo đó là cả nguồn cảm hứng đẹp về cách thức, phương thức, mô hình điều chỉnh pháp luật để chống sự lạm quyền của viên chức nhà nước, đồng thời là sự mở rộng phạm vi quyền và tự do của công dân, của con người. Những diễn biến trên thực tế đang chứng tỏ ý tưởng chứa đựng trong hai mệnh đề này đang ngày càng thâm nhập, bắt rễ mạnh vào đời sống pháp luật của xã hội nước ta. Hai mệnh đề kể trên thực chất là gì mà có sức hấp dẫn như vậy? Chúng ta cùng tìm hiểu vấn đề này.

Trong khoa học pháp lý, khi phân loại các quy phạm pháp luật, theo cách thức tác động đến hành vi xử sự của con người, người ta chia chúng thành ba loại: 1. Quy phạm bắt buộc, 2. Quy phạm cho phép, 3. Quy phạm cấm đoán. Quy phạm pháp luật bắt buộc là loại quy phạm chứa đựng quy định, theo đó, chủ thể pháp luật bằng hành động của mình, phải làm theo đúng quy định pháp luật không có sự lựa chọn khác. Quy phạm cho phép là quy phạm mà chủ thể pháp luật được lựa chọn trong một số phương án một phương án thích hợp, có thể là hành động hoặc không hành động. Còn quy phạm cấm đoán là quy phạm chỉ ra phạm vi, giới hạn mà chủ thể pháp luật không được thực hiện hành động của mình. Ở bất cứ quốc gia nào, hành vi hay hoạt động

của mỗi con người đều được đặt dưới sự điều chỉnh của cả ba loại quy phạm pháp luật kể trên. Liên quan đến vấn đề đang bàn, khi nói: “Viên chức chỉ được làm những gì pháp luật cho phép” và “Công dân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm” thực ra, người ta chỉ muốn chỉ ra *nét đặc trưng* về phạm vi tự do hành động hay không hành động cho *từng loại chủ thể* do pháp luật điều chỉnh là viên chức và công dân mà thôi. Đối với viên chức nhà nước, đó là sự tự do có giới hạn xác định; đối với công dân đó là sự tự do lớn hơn, tùy nghi thực hiện hành vi, chỉ trừ những gì pháp luật cấm. Trong khi đó thì như chúng ta biết, hoạt động của cả hai loại chủ thể này được điều chỉnh không phải chỉ bằng loại quy phạm nêu trong mệnh đề mà bởi cả ba loại quy phạm pháp luật kể trên, không trừ loại quy phạm nào.

Trước hết nói về mệnh đề “Viên chức nhà nước chỉ được làm những gì pháp luật cho phép”. Đây là mệnh đề hàm ý chỉ ra rằng pháp luật cần hạn chế quyền hạn của viên chức nhà nước thông qua việc sử dụng loại quy phạm pháp luật cho phép để phòng ngừa sự lạm quyền. (Rộng hơn, trong mối liên hệ với mệnh đề “Công dân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm”, mệnh đề này còn hàm ý thu hẹp phạm vi can thiệp của Nhà nước vào đời sống cá nhân). Sự “cho phép” ở đây có thể hiểu là pháp luật quy định một số phương án xử sự (chỉ ở mức cần thiết và có thể) để viên chức trong giới hạn đó lựa chọn, thực hiện. Bởi lẽ, kinh nghiệm thực tế trong đời sống xã hội cho thấy, người nắm quyền lực trong tay thường có xu hướng lạm quyền (đó là điều mà từ lâu Mông-tét-xkiơ đã nhận định trong tác phẩm “Tinh thần pháp luật” để từ đó xây dựng nên thuyết phân quyền). Nhưng cần thấy rằng, mệnh đề

\* PGS. TS. Luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật

<sup>1</sup> Trong bài, viên chức nhà nước được nói đến trong mệnh đề này được hiểu rộng, bao gồm những người thực thi công vụ có thẩm quyền trong bộ máy nhà nước được gọi là: cán bộ, công chức hành chính, thẩm phán, kiểm sát viên...

“Viên chức nhà nước chỉ được làm những gì pháp luật cho phép” không hàm ý biến viên chức nhà nước thành những “người máy” nhất cử nhất động theo các quy định pháp luật cứng nhắc. Viên chức vẫn được lựa chọn cách thức xử sự trong một số phương án, chứ không phải một phương án duy nhất. Nói cách khác, trong hoạt động thực thi công vụ, vẫn đòi hỏi ở viên chức nhà nước tính sáng tạo và được sáng tạo. Mệnh đề được nêu chủ yếu là nhằm để phòng ngừa viên chức nhà nước lạm dụng quyền lực nhà nước.

Về mệnh đề “công dân được phép làm tất cả những gì pháp luật không cấm”, có thể thấy trong mệnh đề này không khí tự do toát ngay ra từ ngôn từ của nó. Ngoài cái gì đã pháp luật đã cấm thì công dân được *tùy nghi lựa chọn cách xử sự* mà mình muốn. Đương nhiên, đây không phải là thứ tự do tuyệt đối. Vì *tự do là quyền được làm tất cả những điều mà pháp luật cho phép*<sup>2</sup>. Nếu một công dân làm điều trái luật thì anh ta không còn được tự do nữa; vì nếu để anh ta tự do làm thì mọi người đều được làm trái luật cả<sup>3</sup>.

Thường thì hai mệnh đề: “Viên chức chỉ được làm những gì pháp luật cho phép” và “Công dân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm” được ghép chung thành *một cặp* mệnh đề. Cái hay của hai mệnh đề là khi chúng ở bên nhau, cái nọ bổ sung cho cái kia. Tách từng mệnh đề riêng rẽ thì ý nghĩa, giá trị của mỗi mệnh đề sẽ bị giảm đi nhiều. Hai mệnh đề này tương phản nhau về mức độ tự do hành vi, nhưng giữa chúng có sự thống nhất. Sự thống nhất của hai mệnh đề này là hướng tới việc thực hiện và bảo đảm quyền và tự do cho công dân.

Như vậy, khi nói đến cặp mệnh đề trên thì ý tưởng cao cả của nó chính là hướng tới *sự mở rộng và bảo đảm quyền và tự do* cho

công dân, cho con người. Nhưng đó mới chỉ là xét riêng về mặt kỹ thuật sử dụng công cụ pháp luật để điều chỉnh hành vi của các chủ thể pháp luật hoặc là cách thức pháp luật điều chỉnh hành vi con người. Bản thân điều đó tự nó chưa nói lên *hết được* khả năng về chống lạm dụng quyền của viên chức, mức độ tự do của công dân, cá nhân, con người. Xem ra, chỉ có thể nhận xét về hai mệnh đề một cách đầy đủ, khi xem xét về tổng thể (số lượng và chất lượng) các quy phạm pháp luật điều chỉnh hành vi của con người trong một hệ thống pháp luật nhất định. Vì, trong toàn bộ một hệ thống pháp luật, nếu phạm vi cấm đoán đối với công dân rộng, phạm vi cho phép xử sự đối với viên chức quá lớn thì quyền và tự do đối với công dân theo tỷ lệ nghịch, bị thu hẹp. Ngược lại thì quyền và tự do của công dân được mở rộng.

Từ khi nhà nước xuất hiện đến nay, việc giới hạn sự can thiệp của Nhà nước vào đời sống cá nhân, chống lạm quyền, việc mở rộng, thực hiện và bảo đảm quyền và tự do cho cá nhân, công dân, con người luôn là ước vọng, mối quan tâm hàng đầu của mỗi dân tộc, của nhân loại. Nhưng, ước vọng đó luôn bị chế ước bởi các điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội nhất định. Ngày nay, ở các nước phát triển như Hoa Kỳ, Cộng hòa Pháp, Cộng hòa Liên bang Đức, Italya..., khi xây dựng hiến pháp, các đạo luật và các quy định pháp luật khác cũng như trong hành xử của viên chức nhà nước, họ rất chú trọng việc giới hạn quyền lực nhà nước, tôn trọng và bảo đảm quyền và tự do của cá nhân. Chúng được xem là tư tưởng cơ bản xuyên suốt hiến pháp, pháp luật, thực thi pháp luật, trong sự điều chỉnh pháp luật nói chung. Có thể nói, đây là bước tiến vĩ đại trong toàn bộ lịch sử ra đời, vận động và phát triển của pháp luật hướng tới tự do của con người.

Ở nước ta, trong pháp luật cũng đang diễn ra quá trình tương tự như trên. Hàng chục năm trong cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp, nền kế hoạch hoá, chức năng quản lý nhà nước và hoạt động quản lý nhà nước không được tách bạch với hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh, hoạt động

<sup>2</sup> Cụm từ “pháp luật cho phép” (giả định là cụm từ đã được dịch đúng) theo một nghĩa nhất định là một cách diễn đạt khác về cụm từ “pháp luật không cấm” mà không dựa vào sự phân loại quy phạm pháp luật.

<sup>3</sup> Xem Montesquieu, Tinh thần pháp luật, Nxb Giáo dục, Khoa Luật, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, 1996, tr. 99.

cung ứng dịch vụ công, hoạt động sự nghiệp đã dẫn đến sự can thiệp sâu của Nhà nước vào đời sống xã hội, đời sống của công dân. Bên cạnh đó là thói quen sử dụng mệnh lệnh trong hai cuộc chiến tranh chống đế quốc đã để lại dư âm thái quá làm cho quyền và tự do của công dân không được bảo đảm tốt. Trong suốt hàng chục năm với bối cảnh như vậy, cấp mệnh đề đang nói không được biết đến. Tất nhiên, điều đó không có nghĩa là xã hội Việt Nam khi đó không có nhu cầu về chống lạm quyền, thực hiện và bảo đảm quyền và tự do cho công dân. Những nhu cầu này vẫn ngấm ngấm và công khai thể hiện, nhưng với các điều kiện như thế, các kết quả đưa lại rất hạn chế.

Bước vào thời kỳ đổi mới (từ năm 1986 đến nay), với sự hình thành ngày càng đầy đủ nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì cấp mệnh đề trên mới có cơ sở kinh tế và chính trị thực tế để tồn tại có tính công khai, thực chất và phổ biến hơn.

Trong nền kinh tế tập trung, quan liêu (hay nền kinh tế kế hoạch hoá), tương ứng với nó, chính trị, mục tiêu đấu tranh giai cấp chi phối mạnh sự vận hành của kinh tế, bao trùm lên các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Dưới áp lực đó, kinh tế không thể trở thành cơ sở cho việc thúc đẩy dân chủ, tự do thực sự. Việc chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung, bao cấp sang nền kinh tế thị trường thực chất là việc chuyển từ nền kinh tế từ tập trung, độc quyền sang nền kinh tế tự do, dân chủ. Và, theo quy luật, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã trở thành điều kiện tiên quyết thúc đẩy phát triển tự do, dân chủ. Tác động của kinh tế thị trường đến chính trị, sự mở đường cho tự do, dân chủ thể hiện trên những phương diện khác nhau: 1. Trong tổng thể, kinh tế thị trường với tính chất độc lập, tự do, dân chủ vốn có đã xác định giới hạn phạm vi can thiệp của quyền lực chính trị, buộc cơ cấu của chính trị phải có những thay đổi thích ứng; 2. Kinh tế thị trường làm thay đổi các quan niệm chính trị trong xã hội. Các quan niệm về tự do, dân

chủ, bình đẳng, công khai... trong kinh tế đòi hỏi và được chuyển hoá sang lĩnh vực chính trị theo nhận thức mới (điều mà trong nền kinh tế tập trung về cơ bản không thể có); 3. Kinh tế thị trường là môi trường tốt để nâng cao khả năng của công dân trong việc tham gia chính trị, suy luận chính trị, rèn luyện về khả năng chính trị... thay vì trước đây tiếp nhận sự bao cấp về tư tưởng chính trị một cách thụ động.

Trong quá trình đổi mới ở nước ta, việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã đặt cơ sở và mở ra hướng mới cho quá trình phát triển tự do, dân chủ. Thực tiễn xây dựng nền kinh tế thị trường ở nước ta những năm qua cho thấy tác động của kinh tế thị trường vào nền chính trị ngày càng rõ nét. Vào đầu những năm đổi mới, Đảng và Nhà nước ta chủ trương đổi mới kinh tế trước, từng bước đổi mới chính trị, nhờ đó giữ được sự ổn định, không gây xáo trộn xã hội. Nhưng công cuộc đổi mới càng đi vào chiều sâu thì đòi hỏi về cải cách chính trị ngày càng thể hiện rõ nét. Những bất cập về chính trị cản trở sự vận hành của kinh tế thị trường dần được tháo gỡ. Đây chính là sự thể hiện của sự chi phối của kinh tế thị trường đối với nền chính trị, với tự do, dân chủ về chính trị cũng như pháp luật.

Với khả năng tác động như trên, rõ ràng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã tạo nền tảng kinh tế cho việc hình thành tư tưởng thể hiện trong cấp mệnh đề chúng ta đang nói tới. Tuy nhiên, sự hình thành, tiếp nhận hai mệnh đề: “Viên chức nhà nước chỉ được làm những gì pháp luật cho phép” và “Công dân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm” còn phải có điều kiện quan trọng đi liền với nó, đó là việc xây dựng Nhà nước ta thành Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Vào cuối năm 2001, thể chế hóa quan điểm của Đảng tại Đại hội VIII về xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam, khi sửa đổi bản Hiến pháp 1992, Điều 2 đã ghi nhận rằng: “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân

dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức”. Như đã biết, về mặt lịch sử ra đời, lý luận về Nhà nước pháp quyền được xác lập (và thực hiện trong thực tế) xuất phát từ đòi hỏi của việc chống lại các nhà nước chuyên chế, cảnh sát. Ở các nhà nước này, Nhà nước có quyền lực vô độ, không có giới hạn đối với cá nhân, người dân, quyền và tự do của cá nhân, các giá trị nhân bản của con người bị chà đạp. Đối lập với các nhà nước kiểu đó, Nhà nước pháp quyền được hiểu là nhà nước có thuộc tính (bản chất) dân chủ. Tư tưởng cơ bản của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền đó là thiết lập quan hệ bình đẳng về mặt pháp luật qua lại giữa Nhà nước và cá nhân. Mỗi bên có quyền thì đồng thời cũng có nghĩa vụ tương ứng đối với bên kia. Với tư tưởng như vậy thì sự hiện diện của hai mệnh đề đã nêu trong điều kiện xây dựng Nhà nước ta thành Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ở nước ta là hoàn toàn hợp logic. Cặp mệnh đề đã phản ánh tính chất dân chủ, tự do của Nhà nước pháp quyền.

Ngoài các nhân tố kinh tế, chính trị kể trên, sự hiện diện của cặp mệnh đề: “Viên chức nhà nước chỉ được làm những gì pháp luật cho phép” và “Công dân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm” còn đòi hỏi các điều kiện về mặt tư tưởng. Đó là các quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về quyền và tự do của con người, về vai trò của pháp luật trong việc bảo đảm quyền và tự do, sự tiếp nhận của Đảng ta về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, sự nghiên cứu, truyền bá của các nhà nghiên cứu về kinh tế, chính trị, pháp luật... và quyền và tự do của cá nhân.

Tóm lại, các điều kiện về kinh tế và chính trị và tư tưởng hiện nay ở nước ta, đã cho phép tiếp nhận ngày càng rộng rãi và thực chất các mệnh đề: “Viên chức nhà nước

chỉ được làm những gì pháp luật cho phép” và “Công dân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm”. Vì thế, người ta hoàn toàn có lý khi nồng nhiệt tiếp nhận cặp mệnh đề này. Một mặt, nó có tác dụng chống lại các hiện tượng một số viên chức nhà nước những nhiều, cố tình lạm quyền hoặc vi phạm pháp luật để cầu lợi đang gây bức xúc trong xã hội, cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Mặt khác, nó thu hẹp sự can thiệp trực tiếp của Nhà nước, tạo ra cho công dân khoảng tự do rộng rãi trong các sinh hoạt vật chất, tinh thần, sự bảo đảm an ninh pháp lý trong việc thực hiện các quyền và tự do.

2. Đương nhiên, để thực hiện được trên thực tế các mệnh đề nói trên, cần phải thực hiện và có giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nâng cao đời sống vật chất của người dân, xây dựng vững chắc và thực chất Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, sử dụng có hiệu quả sức mạnh của cả hệ thống chính trị, nâng cao ý thức trình độ của cán bộ và nhân dân trong cuộc đấu tranh chống lại các hành vi lạm quyền của một số viên chức nhà nước, bảo đảm các quyền và tự do của công dân.

Về phương diện pháp lý, các quy định pháp luật cần phải chú ý đến việc thu hẹp sự can thiệp của Nhà nước cũng như pháp luật vào các quan hệ xã hội của đời sống không cần thiết, phòng ngừa khả năng sử dụng pháp luật để lạm quyền, vi phạm pháp luật, hướng tới mục tiêu lớn là thực hiện và bảo đảm quyền và tự do của công dân. Trong hoạt động thực thi công vụ, cần có các giải pháp phòng và chống một cách hữu hiệu các hành vi lạm quyền vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền và tự do của công dân. Ở đây, vấn đề quan trọng là cần có những viên chức làm việc có hiệu quả, tận tâm vì công việc, vì lợi ích nhân dân. Muốn vậy phải có các viên chức nhà nước có phẩm chất, năng lực, có tính chuyên nghiệp. Một luật gia nào đó đã nói rằng nếu phải lựa chọn giữa một đảng là pháp luật tốt, công chức tồi và một đảng là pháp luật tồi, công chức tốt, thì nên chọn khả năng pháp luật tồi, công chức tốt. Sự lựa

chọn như vậy cũng có lý, bởi vì, con người là nhân tố quyết định. Một hệ thống pháp luật tốt, nhưng công chức tồi thì pháp luật cũng bị làm biến dạng trên thực tế. Điều này ai cũng có thể cảm nhận được. Trong trường hợp pháp luật kém, nhưng công chức tốt cũng có thể khắc phục được phần nào cái khiếm khuyết ấy. Nhưng nói như vậy, không có nghĩa là không cần thiết xây dựng và hoàn thiện pháp luật với tư cách là chuẩn mực chung cho hành vi của mọi người.

Để có được các viên chức nhà nước thực thi công vụ như trên, đòi hỏi nhiều yếu tố liên quan đến xác định tiêu chuẩn viên chức cho từng vị trí công việc, thực hiện chế độ thi tuyển công khai, cạnh tranh, chế độ đào tạo, bồi dưỡng, chế độ sát hạch viên chức kiểm tra, thanh tra công vụ, chế độ khen thưởng, kỷ luật, chế độ tiền lương... Xa hơn nữa là sự phát triển về kinh tế, sự lành mạnh và có hiệu quả của hệ thống chính trị, môi trường pháp chế, đạo đức trong lành, sự kiểm tra có hiệu lực, hiệu quả của nhân dân, v.v.

Như trên đã nói cặp mệnh đề: “Viên chức chỉ được làm những gì pháp luật cho phép” và “Công dân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm” có điểm chung là hướng tới sự thực hiện và bảo đảm quyền và tự do của công dân. Đối với mệnh đề “Công dân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm” có lẽ không có gì lớn cần bàn bởi ý tưởng mang tính nhân văn, đạo lý và thời đại chứa đựng trong nó. Nhà nước thông qua pháp luật tạo ra khoảng tự do xử sự rộng lớn cho công dân bằng cách thu hẹp phạm vi can thiệp của mình vào hoạt động, đời sống của công dân, cá nhân với phương thức chỉ ra vùng cấm đoán. Nếu cần nói thêm điều gì ở đây, thì đó là cần nhìn mệnh đề này trong tổng thể các quy định của pháp luật điều chỉnh hành vi của công dân. Mở rộng tự do của công dân thể hiện qua việc sử dụng các quy phạm cấm cần phải đi kèm với quy định hành vi của công dân qua các quy phạm bắt buộc, cho phép cũng phải theo tinh thần mở rộng tự do ấy. Trong tổng thể các quy định như vậy mới cho phép nhận định về mức độ tự do của công dân. Một ví dụ khá rõ là

những năm cải cách thủ tục hành chính vừa qua ở nước ta, việc bãi bỏ các giấy tờ phiền hà (các quy định bắt buộc) đã làm cho người dân, doanh nghiệp dễ thở hơn rất nhiều.

Nhưng, với mệnh đề “Viên chức chỉ được làm những gì pháp luật cho phép” thì lại có vấn đề cần bàn. Trong mệnh đề này, chúng ta đang cố vũ cho lối hành xử theo pháp luật của viên chức với đòi hỏi hai mặt. Một mặt, ràng buộc chặt họ bằng pháp luật, chỉ làm trong phạm vi “cho phép” và mặt khác, đòi hỏi sự sáng tạo của viên chức nhà nước trong phạm vi “cho phép” ấy. Trong điều kiện thực tế hiện nay ở nước ta, hầu như mọi người đều cho rằng đó là mệnh đề thích hợp, rất cần thiết và được lòng dân. Không phải là xã hội đang phản ứng mạnh mẽ nhằm chống các hành vi lạm quyền khá phổ biến của viên chức nhà nước, đặc biệt là các viên chức có quyền lực trong hệ thống quản lý hành chính nhà nước và hệ thống Tòa án đó sao? Nhưng, những kết quả thu được vẫn rất hạn chế, dư luận xã hội còn nhiều phàn nàn, người dân đến các cơ quan nhà nước vẫn với thái độ thấp thỏm (dù đã được cải thiện rất nhiều).

Khi chú trọng đến việc thực hành hữu hiệu mệnh đề “Viên chức chỉ được làm những gì pháp luật cho phép”, có lẽ chúng ta cũng rất cần chú ý đến một xu hướng khác trong điều chỉnh pháp luật đối với hành vi của viên chức nhà nước đang diễn ra ở một số nước phát triển như Hoa Kỳ, Ôtxtrâyliá... Ở những quốc gia này, người ta đang đặt vấn đề so sánh về phong cách làm việc và hiệu quả công việc giữa viên chức nhà nước và những doanh nhân, nói chung là những người làm việc trong các doanh nghiệp. Không khó khăn để bắt cứ ai cũng đi đến nhận định rằng viên chức nhà nước làm việc kém hẳn cán và hiệu quả hơn so với đối tượng so sánh kia. Đối với doanh nghiệp, sự đánh giá về chân giá trị mỗi người là *hiệu quả* đạt được trong công việc. Trong khi đó, đối với Nhà nước, nhiều khi, khi đánh giá mỗi viên chức nhà nước, hiệu quả rơi vào hàng thứ yếu, sự tuân thủ các quy định pháp

(Xem tiếp trang 50)

ngành, Hải quan... và thậm chí là Công an trong việc xử lý các hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Ở đây, việc bổ sung các công cụ của Luật tư là hết sức cần thiết.

- Ở CHLB Đức, một cơ quan chuyên trách được thành lập để giám sát và xử lý các hành vi cạnh tranh không lành mạnh không hề tồn tại. Sở dĩ có điều này là vì một mặt, ở CHLB Đức đã có một nền kinh tế thị trường phát triển mà ở đó về cơ bản các quy tắc thị trường đã trở nên chuẩn mực và hầu hết đã được pháp điển hóa. Mặt khác, ý thức pháp luật của các chủ thể tham gia thị trường và người tiêu dùng đã phát triển ở mức độ rất cao. Bởi vậy, việc đấu tranh với các hành vi cạnh tranh không lành mạnh không chỉ là việc của người bị vi phạm mà còn là nhiệm vụ chung của toàn xã hội – một nhiệm vụ công. Trong bối cảnh đó, các công cụ của Luật tư đã đủ sức để ngăn chặn các hành vi cạnh tranh không lành mạnh một cách có hiệu quả. Vì thế, việc bảo đảm một trật tự cạnh tranh lành mạnh và bình đẳng ở CHLB Đức không cần đến sự hình thành của một cơ quan giám sát và xử lý chuyên biệt như ở Việt Nam.

- Thực trạng pháp luật cạnh tranh của CHLB Đức đã cho phép không chỉ người bị thiệt hại, mà còn các chủ thể khác có quyền khởi kiện đối với các hành vi cạnh tranh

không lành mạnh đã chứng tỏ rằng nó đang đi trên con đường “xã hội hóa” trong việc đấu tranh với hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Thông qua việc trao quyền khởi kiện này, nhiều lực lượng xã hội, đặc biệt là các hiệp hội đã được khích lệ trong quá trình bảo đảm một trật tự cạnh tranh văn minh và lành mạnh. Tất nhiên, các hiệp hội và các tổ chức xã hội khác khi tham gia vào tiến trình này đều nhằm mục tiêu là bảo vệ quyền lợi cho các nhóm xã hội mà họ đại diện: chẳng hạn như khuyến khích và bảo vệ lợi ích của các khu vực công nghiệp và thương mại, bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng, bảo đảm lợi ích của ngành nghề thủ công.... Những mục tiêu mà họ theo đuổi cũng như các lợi ích mà họ đại diện rất có thể không phải lúc nào cũng đồng nhất với mục tiêu duy trì cạnh tranh và chống lại các hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Tuy nhiên, Nhà nước hoàn toàn có thể mong chờ rằng, các hiệp hội và các tổ chức xã hội của mình có thể theo đuổi các mục tiêu và lợi ích riêng của mình thông qua việc tham gia bảo đảm cạnh tranh lành mạnh và bình đẳng. Ở đây, chừng nào các lợi ích công của việc bảo đảm một trật tự cạnh tranh được hiện thực hóa thì chừng đó, người khởi kiện có quyền theo đuổi các mục tiêu riêng của mình.

***(Tiếp theo trang 21 – Về nội dung các mệnh đề:)***

luật được xếp làm tiêu chí hàng đầu. Bởi vậy, trong tương quan với phong cách làm việc và hiệu quả làm việc của doanh nhân, người ta đang suy nghĩ về vấn đề làm thế nào để pháp luật không quy định quá chi tiết về các bước đi của viên chức nhà nước trong thi hành công vụ mà họ vẫn làm việc sáng tạo hoặc làm việc sáng tạo nhưng vẫn không trái luật. Như thế, ở nước ta, trong khi vấn đề cao mệnh đề “Viên chức chỉ được làm những gì pháp luật cho phép”, những người có thẩm quyền, các nhà nghiên cứu chính trị, pháp luật... vẫn cần xem xét, nghiên cứu về khả năng điều chỉnh pháp luật đối với hành vi

của viên chức theo một hướng khác để đến một lúc nào đó sẽ không bị tụt hậu. Rõ ràng, trong xu hướng điều chỉnh pháp luật mới này, viên chức làm việc vẫn chịu sự ràng buộc của pháp luật, nhưng đó là ràng buộc lỏng ở mức vẫn bảo đảm là các chuẩn mực hành vi, đồng thời đòi hỏi ở họ sự thể hiện và phải thể hiện sự tận tâm, sáng tạo nhằm đạt được hiệu quả cao nhất trong việc thực hiện các quy phạm pháp luật. Tất nhiên, để tạo ra hình ảnh người viên chức nhà nước như vậy cần có một quá trình dài với các điều kiện cần và đủ.